

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST
Ngày: 30-3-2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thúy Quyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Phú Hùng**

2/ Ông **Lương Công Tiên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Giang** – Thư ký Tòa án nhân dân quận B, thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Dương** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/1/2021/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: Số 266 – 268, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố M.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Lê Trường S** (*Văn bản ủy quyền số: 1469/2020/QU-CNCT ngày 14/10/2020*). Có mặt

Địa chỉ chi nhánh C: Số 95 – 97 – 99, đường Võ Văn Tần, phường A, quận N, thành phố C.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Thế H**, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 88 Trần Quang Diệu, phường Th, quận B, thành phố C. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Lê Trường S trình bày:

Ngày 17/6/2017 giữa Ngân hàng TMCP S với ông Nguyễn Thế H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với lãi suất quy định tại thời điểm giao kết là 2,15%/tháng. Căn cứ thu nhập của ông Nguyễn Thế H, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Nguyễn Thế H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.200.000 đồng (chưa bao gồm lãi phát sinh).

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Nguyễn Thế H chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 5.248.000 đồng. Do ông Nguyễn Thế H vi phạm nghĩa vụ thanh toán tại Điều 2 của hợp đồng nên ngày 31/03/2018 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông Hùng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, với lãi suất quá hạn là 3,225%/tháng.

Tính đến ngày 30/03/2021, ông Nguyễn Thế H còn nợ tổng cộng 49.292.538 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện buộc ông Nguyễn Thế H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 30/3/2021 là 49.292.538 đồng (Trong đó, nợ gốc: 20.809.398 đồng và lãi quá hạn: 28.483.140 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên trình bày và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật; việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc thu thập tài liệu chứng cứ, giao nhận chứng cứ là đúng quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo triệu tập của Tòa án.

- Về giải quyết vụ án: Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở để kết luận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng) và ông Nguyễn Thế H có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức được cấp là

20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ, ông Hùng không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện, quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Nguyễn Thế H đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét giao dịch dân sự*: Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 17/6/2017 thể hiện: Ông Nguyễn Thế H yêu cầu Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức 50.000.000 đồng. Ngày 22/6/2017 Ngân hàng đã duyệt cấp thẻ cho ông Hùng với số thẻ 356480-9406, hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Theo đó, lãi suất thỏa thuận 2.15%/tháng và lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất tại thời điểm giao kết.

Căn cứ vào Bản sao kê của Ngân hàng thì ngày 30/6/2017 thẻ tín dụng số 356480-9406 của ông Hùng phát sinh giao dịch số tiền 19.700.000 đồng; ngày 31/7/2017 thẻ tín dụng này tiếp tục phát sinh giao dịch số tiền 500.000 đồng. Tổng số tiền ông Hùng đã giao dịch là 20.200.000 đồng, vượt hạn mức 200.000 đồng nên ông Hùng phải chịu thêm phí phát sinh vượt hạn mức. Theo quy định tại Điều 20 của Hợp đồng, ngoài nghĩa vụ trả số tiền đã giao dịch thì ông Hùng còn phải chịu khoản lãi, phí của thẻ tín dụng.

Quá trình sử dụng thẻ, ông Hùng có 04 lần thanh toán tiền cho Ngân hàng, tuy nhiên, chỉ thanh toán được 5.246.000 đồng. Lần cuối cùng ông Hùng thanh toán cho Ngân hàng là ngày 31/01/2018. Do ông Hùng vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/4/2018 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ của ông sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 30/3/2021, số tiền phát sinh nghĩa vụ đối với thẻ tín dụng số 356480-9406 của ông Hùng là 49.292.538 đồng, trong đó, nợ gốc: 20.809.398 đồng và lãi quá hạn: 28.483.140 đồng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng chấp nhận.

[5] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 322 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Nguyễn Thế H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 30/3/2021 là 49.292.538 đồng (Trong đó, nợ gốc: 20.809.398 đồng và lãi quá hạn: 28.483.140 đồng) và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thế H còn phải chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Thế H phải nộp 2.432.000 đồng.

- Nguyên đơn được nhận lại 1.099.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 004851 ngày 06/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố C.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TPCT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN**

Nguyễn Thúy Quyên